

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26-9-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hồ Thị Thanh Loan**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

2. Bà **Nguyễn Thị Vạn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Ngọc Hải** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông **Nguyễn Văn Lân** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1290/2016/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2016 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 322/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 280/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Phạm Mạnh C**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: D12/25, ấp A, xã B, huyện C, TP. Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà **Phạm Thị L**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: D14/31 ấp A, xã B, huyện C, TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1944.

Địa chỉ: D12/25, ấp A, xã B, huyện C, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Phạm Mạnh C (nguyên đơn) trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: ông C và bà L bắt đầu chung sống từ năm 1990, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48/1990, quyển số 01/1990 do Ủy ban nhân dân xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 10/12/1990. Thời gian đầu sống chung không có gì xảy ra, đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ghen tuông, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng và tin tưởng nhau, ông C không còn tình cảm với bà L nữa, ông C và bà L đã ly thân vào năm 2014 và hiện nay không còn sống chung nhà với nhau. Nay ông C thấy cuộc sống hôn nhân không đạt được, ông C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên Phạm Tấn Duy C, sinh năm 1991 và Phạm Tấn D, sinh năm 1993. Hiện nay 02 con đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: có tài sản chung, nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu có tranh chấp sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác.

Về nợ chung: có nợ chung, nhưng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu có tranh chấp sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác.

Bà Phạm Thị L (bị đơn):

Trong quá trình Tòa án giải quyết theo hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 886/2015/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh và hồ sơ hôn nhân phúc thẩm số 36/HNPT ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, bà Phạm Thị L không đồng ý ly hôn với ông Phạm Mạnh C.

Trong quá trình Tòa án giải quyết theo hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 1290/2016/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Phạm Thị L vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

Bà Nguyễn Thị B (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày như sau: Bà B không tranh chấp, không yêu cầu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Phạm Mạnh C (nguyên đơn) khởi kiện xin ly hôn với Bà Phạm Thị L (bị đơn), đây là tranh chấp về ly hôn. Bà Phạm Thị L (bị đơn) cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông Phạm Mạnh C (nguyên đơn), Bà Nguyễn Thị B (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) có đơn xin vắng mặt tại tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Ông Phạm Mạnh C, Bà Nguyễn Thị B.

Bà Phạm Thị L (bị đơn) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bà Phạm Thị L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Mạnh C với Bà Phạm Thị L có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48/1990, quyển số 01/1990 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện Q, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 10/12/1990. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa Ông Phạm Mạnh C với Bà Phạm Thị L là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Ông Phạm Mạnh C xác định: Thời gian đầu sống chung không có gì xảy ra, đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ghen tuông, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng và tin tưởng nhau, ông C không còn tình cảm với bà L nữa, ông C và bà L đã ly thân vào năm 2014 và hiện nay không còn sống chung nhà với nhau.

Trong quá trình Tòa án giải quyết, bà Phạm Thị L không đưa ra phương án hòa giải, hàn gắn quan hệ vợ chồng.

[5] Tòa án không tiến hành hòa giải được, do Bà Phạm Thị L (bị đơn), Bà Nguyễn Thị B (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) vắng mặt, không đến Tòa án để hòa giải.

[6] Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định: *“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*.

[7] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Phạm Mạnh C về việc yêu cầu ly hôn với Bà Phạm Thị L.

[8] Về con chung: Ông Phạm Mạnh C xác định có 02 con chung tên Phạm Tấn Duy C, sinh năm 1991 và Phạm Tấn Duy, sinh năm 1993. Hiện nay 02 con đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Về tài sản chung: Ông Phạm Mạnh C xác định có tài sản chung, nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Phạm Thị L không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp, các bên đương sự có tranh chấp có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[10] Về nợ chung: Ông Phạm Mạnh C xác định có nợ chung, nhưng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Phạm Thị L không có yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung. Bà Nguyễn Thị B không có tranh chấp, yêu cầu gì trong vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp, các bên đương sự có tranh chấp có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Mạnh C phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo [Điều 40 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội](#), quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết. Nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà Ông Phạm Mạnh C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AE/2011/09805 ngày 24/8/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Ông Phạm Mạnh C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 52, Điều 53, Điều 54, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 40 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết,

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Phạm Mạnh C về việc yêu cầu ly hôn với Bà Phạm Thị L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Mạnh C được ly hôn với Bà Phạm Thị L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 48/1990, quyển số 01/1990 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện Q, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 10/12/1990 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Ông Phạm Mạnh C xác định có 02 con chung tên Phạm Tấn Duy C, sinh năm 1991 và Phạm Tấn D, sinh năm 1993. Hiện nay 02 con đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

1.3. Về tài sản chung: Ông Phạm Mạnh C xác định có tài sản chung, nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Phạm Thị L không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp, các bên đương sự có tranh chấp có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

1.4. Về nợ chung: Ông Phạm Mạnh C xác định có nợ chung, nhưng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Phạm Thị L không có yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung. Bà Nguyễn Thị B không có tranh chấp, yêu cầu gì trong vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp, các bên đương sự có tranh chấp có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Mạnh C phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà Ông Phạm Mạnh C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AE/2011/09805 ngày 24/8/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Ông Phạm Mạnh C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân

khởi kiện đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM
- VKSND huyện BC
- THADS huyện BC
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

Hồ Thị Thanh Loan